



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kinh tế quốc tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1101071116	Nguyễn Quỳnh Mai	Anh	12/10/2004	KL11A	01					
2	000002	1101070430	Nguyễn Phan Hải	Đăng	30/07/2005	KL11A	01					
3	000003	1101070432	Lê Thị Nhật	Dương	18/03/2005	KL11A	01					
4	000004	1101071425	Nguyễn Tùng	Dương	10/02/2005	KL11A	01					
5	000005	1101070438	Ninh Thị Thu	Huệ	28/12/2005	KL11A	01					
6	000006	1101070446	Nguyễn Hà	Mai	17/06/2005	KL11A	01					
7	000007	1101071130	Bùi Ngọc Quang	Minh	10/11/2005	KL11A	01					
8	000008	1101071135	Đỗ Thị Anh	Phương	23/10/2005	KL11A	01					
9	000009	1101070454	Vũ Thị Minh	Thu	10/10/2005	KL11A	01					
10	000010	1101071115	Nguyễn Gia Tuấn	Anh	13/12/2005	QL11A	01					
11	000011	1101071122	Lưu Thị	Hằng	19/03/2005	QL11A	01					
12	000012	1101070435	Đinh Trọng	Hiệp	11/02/2004	QL11A	01					
13	000013	1101070436	Nguyễn Ích	Hoàng	25/03/2005	QL11A	01					
14	000014	1101070440	Đào Ngọc	Huyền	22/08/2005	QL11A	01					
15	000015	1101071353	Đỗ Ngọc	Kiên	12/05/2005	QL11A	01					
16	000016	1101070449	Đàm Thị Quỳnh	Như	22/10/2005	QL11A	01					
17	000017	1101071136	Vũ Ngọc	Phương	12/08/2005	QL11A	01					
18	000018	1101070452	Đỗ Thị	Quỳnh	30/10/2004	QL11A	01					
19	000019	1101070702	Nguyễn Hương	Thảo	08/06/2005	QL11A	01					HP,ĐK
20	000020	1101070456	Lê Trọng	Thuận	06/09/2005	QL11A	01					
21	000021	1101070457	Trần Đức	Toàn	16/02/2005	QL11A	01					
22	000022	1101070458	Đỗ Thiên	Trang	01/05/2005	QL11A	01					
23	000023	1101070462	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	08/06/2005	QL11A	01					
24	000024	0901030370	Đặng Tuấn	Kiệt	09/12/2003	QT9B	01					ĐK
25	000025	1101081436	Chu Thị Phương	Anh	18/06/2005	TM11A	01					
26	000026	1101081095	Nguyễn Trung	Anh	27/11/2005	TM11A	01					
27	000027	1101081405	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	25/02/2004	TM11A	01					

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000028	1101080387	Nguyễn Tiến	Bộ	20/05/2005	TM11A	01					
29	000029	1101080510	Phạm Hải	Đăng	23/02/2005	TM11A	01					
30	000030	1101070433	Lý Thị Mai	Duyên	03/09/2005	TM11A	01					
31	000031	1101081101	Lê Ngọc	Hà	08/02/2005	TM11A	01					
32	000032	1101080394	Trần Thị Việt	Hà	22/08/2005	TM11A	01					
33	000033	1101080396	Nguyễn Minh	Hằng	02/07/2005	TM11A	01					
34	000034	1101080398	Đỗ Quốc	Hiếu	23/11/2005	TM11A	01					
35	000035	1101081104	Hoàng Thị	Huyền	22/07/2005	TM11A	01					
36	000036	1101080572	Nguyễn Ngọc	Huyền	15/11/2005	TM11A	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kinh tế quốc tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000037	1101080400	Trần Hoàng	Lan	22/07/2005	TM11A	01					
2	000038	1101080401	Bùi Hương	Linh	08/10/2005	TM11A	01					
3	000039	1101080403	Lê Thùy	Linh	06/12/2005	TM11A	01					
4	000040	1101080404	Nguyễn An Túc	Linh	26/04/2004	TM11A	01					
5	000041	1101081348	Nguyễn Ngọc	Linh	24/06/2004	TM11A	01					
6	000042	1101080405	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	28/08/2005	TM11A	01					
7	000043	1101080407	Nguyễn Thị Thùy	Linh	16/04/2005	TM11A	01					
8	000044	1101081106	Trần Thị Thùy	Linh	21/10/2005	TM11A	01					HP
9	000045	1101081107	Vũ Mạnh	Lương	22/08/2005	TM11A	01					HP
10	000046	1101080409	Hoàng Trung	Lưu	07/05/2004	TM11A	01					HP
11	000047	1101080410	Tạ Thị	Lý	09/04/2005	TM11A	01					
12	000048	1101081108	Trần Thị Thanh	Mai	07/07/2005	TM11A	01					
13	000049	1101081111	Nguyễn Thanh	Quang	30/12/2004	TM11A	01					HP,ĐK
14	000050	1101080416	Nguyễn Thị Tố	Quỳnh	01/01/2005	TM11A	01					
15	000051	1101080417	Nguyễn Lê Nhật	Quỳnh	13/12/2005	TM11A	01					
16	000052	1001080416	Nguyễn Hồng	Thái	20/05/2004	TM11A	01					
17	000053	1101080419	Vũ Tiến	Thành	27/01/2005	TM11A	01					
18	000054	1101081435	Vũ Thị Thanh	Thùy	12/10/2005	TM11A	01					
19	000055	1101080421	Nguyễn Văn	Tới	30/10/2005	TM11A	01					
20	000056	1101080422	Nguyễn Hà	Trang	23/01/2002	TM11A	01					
21	000057	1101080423	Trần Thị Thu	Trang	10/06/2005	TM11A	01					
22	000058	1101080424	Nguyễn Đức	Trung	02/10/2005	TM11A	01					
23	000059	1101081406	Dương Minh	Tuấn	28/11/2005	TM11A	01					
24	000060	1101080758	Ngô Thị	Yến	09/09/2005	TM11A	01					
25	000061	1101041424	Nguyễn Xuân	Bình	19/03/2005	CT11A	02					
26	000062	1101040373	Dương Đức	Hiếu	16/02/2005	CT11A	02					
27	000063	1101041088	Vũ Văn	Hùng	23/08/2004	CT11A	02					
28	000064	1101040374	Bùi Thị Lan	Hương	19/10/2005	CT11A	02					

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000065	1101041090	Đào Chí	Kiên	22/10/2004	CT11A	02					
30	000066	1101040376	Vũ Thị Trà	My	21/10/2005	CT11A	02					
31	000067	1101040377	Hoàng Văn	Tài	22/09/2005	CT11A	02					
32	000068	1101040378	Ngô Mai	Thi	07/07/2005	CT11A	02					
33	000069	1101040380	Phạm Thị Đoan	Trang	03/02/2005	CT11A	02					
34	000070	1101040381	Nguyễn Phạm Quốc	Việt	23/06/2005	CT11A	02					
35	000071	0901020345	Trần Quốc	Huy	19/04/2001	KD9C	02					HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:.....
Tổng số tờ giấy thi:.....
Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1
Cán bộ coi thi 2